

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa,
huyện Vĩnh Thạnh của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng
và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4603/STNMT-CCBVMT ngày 25/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 01/CV-BQL ngày 30/01/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 155/TTr-STNMT ngày 02/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cầu qua sông Kôn, từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh (sau đây gọi là đại diện Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Quang và xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Vĩnh Thạnh;
- BQLDA ĐTXD & PTQĐ huyện Vĩnh Thạnh;
- UBND xã Vĩnh Quang;
- UBND xã Vĩnh Hòa;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
CẦU QUA SÔNG KÔN TỪ VĨNH QUANG ĐI VĨNH HÒA,
HUYỆN VĨNH THẠNH CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN VĨNH THẠNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Cầu qua sông Kôn từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa, Huyện Vĩnh Thạnh.
- Địa điểm thực hiện: xã Vĩnh Quang và xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: Ban Quản lý Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Vĩnh Thạnh.
- Địa chỉ liên hệ: thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Cầu qua sông Kôn từ Vĩnh Quang đi Vĩnh Hòa:
 - + Điểm đầu: Giao với đường ĐT.637 tại lý trình Km 6+940 thuộc địa phận thôn Định Xuân, xã Vĩnh Quang (tọa độ: X = 1.552.615,18; Y = 559.799).
 - + Điểm cuối: Giao với đường ĐH.29 (tuyến đường từ Bảo tàng Quang Trung đến Vĩnh Thạnh) tại lý trình Km 18+900 thuộc địa phận làng M7, xã Vĩnh Hòa (tọa độ: X = 1.552.892,71; Y = 560.705).
- Quy mô: Tổng chiều dài toàn tuyến L = 947,85 m (Trong đó, L_{cầu} = 313,65 m).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của Dự án

- a. Phần cầu: Xây dựng cầu theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11823-2017, loại cầu vĩnh cửu, dầm giản đơn.
 - Tải trọng thiết kế cầu: HL93.
 - Tần suất thiết kế: P = 1%.
 - Bề rộng cầu: B_{cầu} = 6,50m + 2x0,5m = 7,5m (không có lề bộ hành).
 - Sơ đồ nhịp: 9 nhịp 33m; chiều dài toàn cầu L_{cầu} = 313,65 m (bao gồm 02 đuôi mố).
 - Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang gồm 3 dầm chủ BTCT dự ứng lực I33m, chiều cao dầm h = 165 cm (chưa tính bản mặt cầu), cự ly giữa các dầm

chủ $a = 2,4$ m. Bản mặt cầu bằng BTCT đổ tại chỗ dày tối thiểu 20 cm và nối liên tục nhiệt, thảm lớp BTN C12,5 mặt cầu dày 05 cm.

- Mố cầu: Mố chữ U bằng BTCT đổ tại chỗ, mố M1 bố trí 04 cọc khoan nhồi D1000, mố M2 đặt trên nền đá gốc có khoan cấy thép).

- Trụ cầu: Trụ đặc thân hẹp bằng BTCT đổ tại chỗ, móng trụ bố trí 04 cọc khoan nhồi D1000 (hoặc đặt trên nền đá gốc có khoan cấy thép).

- Kết cấu khác: Gối cầu cao su cốt bản thép, khe co giãn răng lược, bố trí bệ cột đèn chiếu sáng trên gờ chắn cầu.

b. Phần đường: Thiết kế đường đầu cầu theo Tiêu chuẩn TCVN 4054-2005, đường cấp V đồng bằng.

- Tổng chiều dài tuyến đường khoảng $L = 650,40$ m.

- Bề rộng nền đường: $B_n = 7,5$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_m = 6,5$ m (kể cả gia cố lề).

- Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 0,5$ m = 1,0 m.

- Mặt đường bê tông xi măng mác 300 dày 22 cm đá $D_{\max} = 40$.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án: hệ thống thoát nước, an toàn giao thông và hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án:

- 01 công trường thi công với diện tích khoảng 4.400 m² (bố trí 01 bãi đúc đầm; 01 bãi chứa vật tư thi công; 01 trạm trộn bê tông công suất ≤ 50 m³/h; kho chứa vật liệu; khu vực lán trại công nhân, nhà vệ sinh di động; khu vực lưu chứa CTR; chất thải nguy hại; ...).

- 02 Cầu tạm, chiều dài mỗi cầu $L = 12$ m.

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 15.896,47 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh với lưu lượng

khoảng 1,8 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ, TSS, dầu mỡ và vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 9,27 m³/ngày. Trong đó bao gồm: Nước thải chảy ra từ khối bùn khoan và dung dịch bentonite thải được tập kết tạm tại bãi chứa vật liệu chờ vận chuyển đến bãi thải khoảng 5,27 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng khoảng 2 m³/ngày; nước thải từ trạm trộn bê tông, vệ sinh thiết bị trạm trộn khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Hoạt động của công nhân phục vụ Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt khối lượng khoảng 40 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hợp chất có nguồn gốc hữu cơ như rau quả, thức ăn dư thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh từ hoạt động chuẩn bị mặt bằng khoảng 2.337 m³; Bentonite thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng cầu phát sinh khoảng 286 m³; chất thải rắn xây dựng khác (xà bần, sắt thép vụn, bao bì đựng xi măng...) phát sinh khoảng 10 - 16,7 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 70 kg trong toàn bộ thời gian thi công dự án. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh

tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư lân cận.

3.4 Các tác động khác

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tình hình giao thông khu vực.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng (phát sinh từ bãi tập kết tạm bùn khoan và dung dịch bentonite thải, quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng, trạm trộn bê tông, vệ sinh thiết bị trạm trộn): được thu gom về các hố lắng cấu tạo 2 ngăn. Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất. Bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và không để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: Sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng thu gom rác 120 lít có nắp đậy kín tại công trường để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa hữu cơ, bentonite và xà bần thải: Đổ thải tại bãi thải thuộc quy hoạch khu dân cư Định Xuân, xã Vĩnh Quang, diện tích 6.892 m² (tọa độ: X = 1.551.530; Y = 559.970). Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường khu

vực đổ thải, giảm thiểu sa bồi, sạt lở. Sau khi đổ thải, san gạt bằng phẳng, trả lại cho địa phương.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng có nắp đậy kín, dán nhãn (tên CTNH, mã hiệu) để phân loại và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 10 m² ở công trường. Hợp đồng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn tại khu vực thi công.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ;

tuyên thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

- Để đảm bảo tưới tiêu cho khu vực đồng ruộng xung quanh tuyến đường kết nối: thực hiện giải pháp hoàn trả, lấp đặt cống qua đường đảm bảo nước tưới cho khu vực đồng ruộng. Quá trình hoàn trả được thực hiện theo đúng trình tự, phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chủ quản của các công trình trên để lựa chọn thời điểm thi công thích hợp, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến quá trình dẫn nước tưới và tiêu thoát nước tại khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: điểm đầu tuyến giao với đường ĐT.637, tọa độ (X = 1.552.615; Y = 559.799) và điểm cuối tuyến giao với đường ĐH.29, tọa độ (X = 1.552.892; Y = 560.705).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn, CO, SO₂, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: vị trí thượng lưu cách công trường thi công khoảng 200m, tọa độ (X = 1.552.984; Y = 560.320) và vị trí hạ lưu cách vị trí thi công khoảng 100 m, tọa độ (X = 1.552.681; Y = 560.371).

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng P, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: Giám sát về số lượng, thành phần phát sinh, quá trình thu gom, lưu giữ.

5.4. Giám sát các sự cố:

- Giám sát xói lở đường bờ (2 vị trí hai bên mỗi mố cầu).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.